

HOSE 29/09/2014

VNINDEX 599.78 -5.20 -0.86%

KLGD 127,430,796 CP
GTGD 2,756.06 Tỷ
GTR NDTNN - 34.87 Tỷ

CP Tăng giá 95 CP
CP Giảm giá 124 CP
CP Đứng giá 85 CP

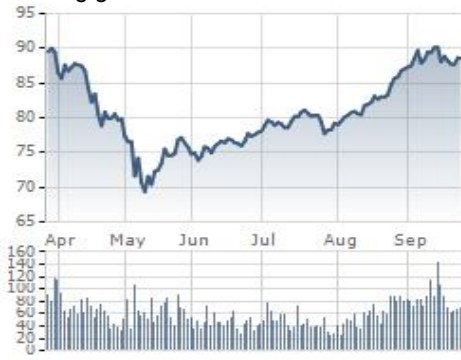


HNX 29/9/2014

HNXINDEX 88.57 0.01 0.01%

KLGD 59,533,109 CP
GTGD 892.00 Tỷ
GTR NDTNN 13.19 Tỷ

CP Tăng giá 110 CP
CP Giảm giá 98 CP
CP Đứng giá 171 CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30 642.98 -6.65 -1.02%
HNX30 181.11 -0.03 -0.02%

Tâm điểm

- ▶ **Áp lực bán tiếp tục xuất hiện mạnh cuối phiên**
- ▶ **Thanh khoản thị trường sụt giảm khá mạnh**
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 3.500 tỷ đồng
- ▶ **Bộ chỉ NSNN đến 15/9 ước khoảng 124.6 nghìn tỷ đồng**
Theo số liệu ước tính của Tổng cục Thống kê
Thời báo Ngân hàng
- ▶ **Tháng 9 nhập siêu 600 triệu USD, thặng dư thương mại 9 tháng đạt 2.5 tỷ USD**
Thặng dư thương mại 9 tháng bằng 2.3% kim ngạch hàng hóa xuất khẩu.
Infonet
- ▶ **Kinh tế Mỹ tăng trưởng 4.6% trong quý 2/2014**
Kết quả này cao hơn so với ước tính 4.2% hồi tháng 8
DVO/Bloomberg
- ▶ **HHG: Lãi quý 3 ước đạt 4.4 tỷ đồng**
Qua đó, lãi 9 tháng đầu năm đã vượt 17% chỉ tiêu kế hoạch đề ra (6.68 tỷ đồng)
Vietstock
- ▶ **GMC: Ước đạt 50 tỷ đồng lợi nhuận sau 9 tháng**
Với kết quả này, GMC tự tin sẽ hoàn thành kế hoạch năm 2014
Đầu tư Chứng khoán

Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,081,787	15.1	3.2	19.5%	10.6%
HNX	144,375	14.7	1.8	8.9%	4.4%
Toàn bộ thị trường	1,226,162	16.8	3.1	18.6%	9.9%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,422	6.8	0.9	13.6%	9.0%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	20,184	9.2	1.5	16.4%	11.1%
Thép và sản phẩm thép	38,922	17.0	2.2	20.7%	9.5%
Khai khoáng	12,297	66.7	5.6	0.3%	0.0%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	22,652	15.9	1.4	11.5%	7.6%
Xây dựng	32,882	37.5	1.4	-2.3%	2.0%
Máy công nghiệp	8,924	9.5	1.4	15.0%	10.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,106	8.8	1.6	18.9%	13.6%
Lốp xe	8,758	10.9	3.2	27.5%	11.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	20,988	12.0	1.8	16.9%	6.2%
Thực phẩm	197,596	24.2	4.7	20.4%	16.0%
Dược phẩm	15,325	10.6	2.9	24.9%	16.4%
Phần mềm	18,351	11.4	2.3	21.5%	9.2%
Sản xuất & phân phối điện	25,597	-	6.0	-14.4%	0.5%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	211,510	17.3	5.7	33.0%	22.6%
Bảo hiểm nhân thọ	27,763	22.7	2.4	10.2%	2.1%
Môi giới chứng khoán	28,220	14.2	1.6	9.5%	7.0%
Ngân hàng	239,745	11.1	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản	164,003	16.7	2.7	20.5%	5.1%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	51,533	11.6	2.5	22.6%	9.4%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Bội chi NSNN đến 15/9 ước khoảng 124.6 nghìn tỷ đồng

Tháng 9 nhập siêu 600 triệu USD, thặng dư thương mại 9 tháng đạt 2.5 tỷ USD

Kinh tế Mỹ tăng trưởng 4.6% trong quý 2/2014

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

HHG: Lãi quý 3 ước đạt 4.4 tỷ đồng

GMC: Ước đạt 50 tỷ đồng lợi nhuận sau 9 tháng

PTC: Năm 2014 dự kiến lỗ ròng 18 tỷ đồng

► Tin kinh tế

Theo số liệu ước tính của Tổng cục Thống kê, tổng thu ngân sách Nhà nước (NSNN) từ đầu năm đến thời điểm 15/9/2014 đạt 597.6 nghìn tỷ đồng, bằng 76.3% dự toán năm. Trong đó thu nội địa 403.8 nghìn tỷ đồng, bằng 74.9%; thu từ dầu thô 74.2 nghìn tỷ đồng, bằng 87.1%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 116.9 nghìn tỷ đồng, bằng 75.9%. Trong khi đó, tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/9/2014 ước tính đạt 722 nghìn tỷ đồng, bằng 71.7% dự toán năm. Như vậy, bội chi NSNN đến 15/9 ước khoảng 124.6 nghìn tỷ đồng

Theo số liệu ước tính của Tổng cục thống kê, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa cả nước tháng 9/2014 ước đạt 12.4 tỷ USD, giảm 6.6% so với tháng trước do lượng tờ khai xuất khẩu hải quan bị ảnh hưởng vào những ngày nghỉ lễ đầu tháng và do xuất khẩu được đẩy mạnh trong những ngày cuối tháng 8. Tính chung 9 tháng năm nay, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước đạt 109.6 tỷ USD, tăng 14.1% so với cùng kỳ năm 2013. Về nhập khẩu, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 9/2014 ước đạt 13 tỷ USD; tăng 6.6% so với tháng trước. Tính chung 9 tháng năm nay, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước đạt 107.1 tỷ USD; tăng 11.1% so với cùng kỳ năm 2013. Như vậy, sau 9 tháng, thặng dư thương mại đạt 2.5 tỷ USD; bằng 2.3% kim ngạch hàng hóa xuất khẩu.

Theo số liệu điều chỉnh của Bộ Thương mại Mỹ, kinh tế Mỹ tăng trưởng 4.6% hàng năm trong quý 2, cao hơn so với ước tính 4.2% hồi tháng 8. Nguyên nhân thúc đẩy kinh tế Mỹ tăng trưởng nhanh hơn trong quý 2 là doanh nghiệp đẩy mạnh đầu tư và các hộ gia đình tăng cường chi tiêu. Cụ thể, đầu tư kinh doanh tăng 9.7% hàng năm so với ước tính 8.4% trước đó; đồng thời, chi tiêu tiêu dùng cũng tăng 2.5% hàng năm. Với những dấu hiệu cải thiện gần đây của kinh tế Mỹ và thị trường lao động, các nhà hoạch định chính sách của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) vẫn đang thảo luận về thời điểm tăng lãi suất sau khi kết thúc chương trình mua trái phiếu hàng tháng vào tháng 10.

► Tin doanh nghiệp

CTCP Hoàng Hà (HNX: HHG) ước kết quả kinh doanh quý 3/2014 với lợi nhuận sau thuế đạt 4.4 tỷ đồng, kéo theo lãi 9 tháng đầu năm đã vượt 17% chỉ tiêu kế hoạch đề ra (6.68 tỷ đồng). Bên cạnh đó, HHG cho biết do nhu cầu đi lại ngày một gia tăng trên tuyến Thái Bình – Yên Nghĩa, Hà Nội, Công ty đã và đang làm thủ tục điều chỉnh tăng tần suất hoạt động từ 30 chuyến/ngày lên 60 chuyến/ngày. Dự kiến đầu quý 4 năm 2014 sẽ thực hiện theo biểu đồ mới. Được biết, lũy kế 6 tháng đầu năm, doanh thu tuy chỉ tăng nhẹ 2% khi đạt 81 tỷ đồng nhưng lợi nhuận sau thuế lại tăng mạnh 189% đạt 3.4 tỷ đồng. Trong một tháng qua, giá cổ phiếu HHG bình quân dao động trong biên độ 5,700 – 7,600 đồng/cp, khối lượng giao dịch bình quân là 229,505 đơn vị.

CTCP Sản xuất thương mại May Sài Gòn (HOSE: GMC) cho biết, dự kiến trong 9 tháng đầu năm 2014, Công ty đạt lợi nhuận khoảng 50 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận quý 3/2014 đạt trên 15 tỷ đồng. Hiện tại, Công ty đang sản xuất cho các đơn hàng đủ đến thời điểm tháng 5/2015 và một số đơn hàng mới ký trong năm 2015. 8 tháng đầu năm 2014, doanh thu và lợi nhuận thu được từ các thị trường xuất khẩu của Công ty đều tăng so với cùng kỳ năm 2013. Với kết quả này, GMC tự tin sẽ hoàn thành kế hoạch năm 2014 với doanh thu 1,300 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 67 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm trước. Cổ tức năm 2014 dự kiến trả bằng tiền mặt tỷ lệ từ 20% đến 30%. Ngày 15/10 tới, Công ty sẽ thực hiện trả cổ tức đợt 1/2014, với tỷ lệ 15% bằng tiền mặt.

Thống nhất chủ trương ĐHCĐ bất thường năm 2014, CTCP Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện (HOSE: PTC) điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 với doanh thu là 90 tỷ đồng và lỗ ròng là 18 tỷ đồng. Bên cạnh đó, HĐQT PTC cho biết thêm nếu kịp chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê tại Pháp Vân trong năm 2014 thì doanh thu và lợi nhuận dự kiến có thể đạt 135.5 tỷ đồng và 27 tỷ đồng. Theo đó, lỗ tích lũy sẽ còn 29 tỷ đồng. Theo BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm, lỗ ròng lũy kế nửa đầu năm của PTC gần 12.3 tỷ đồng, nâng lỗ lũy kế lên con số 64.3 tỷ đồng.

HOSE 29/09/2014 VNINDEX 599.78 -5.20 -0.86% 127,430,796 CP 2,756.06 bil VND

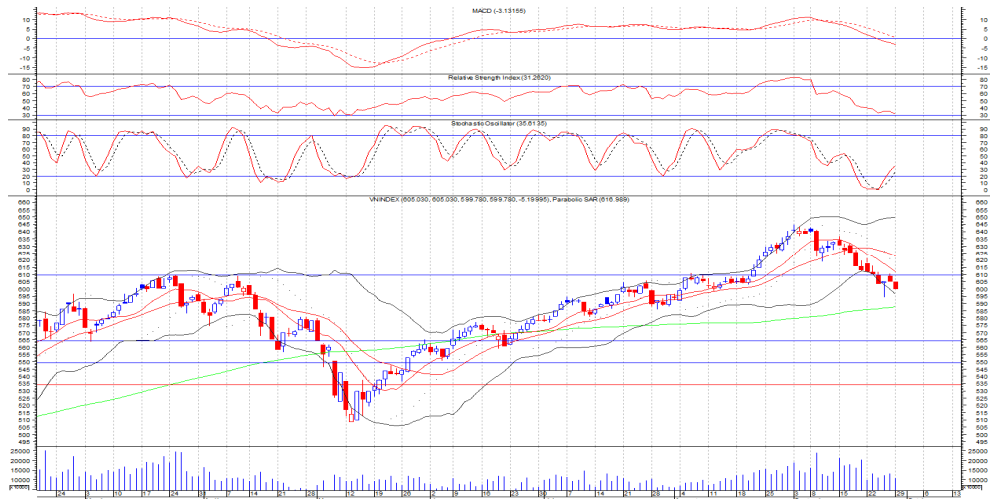
Áp lực bán tiếp tục xuất hiện mạnh cuối phiên

VN-Index giảm 5,20 điểm (-0.86%), đóng cửa tại mức 699,78 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến vừa phải, VN-Index giảm điểm về mức thấp nhất trong phiên.

- MACD tiếp tục đi xuống, điều này cho thấy xu hướng giảm điểm vẫn đang tiếp diễn với VN-Index.

- Stochastic Oscillator sau khi cho tín hiệu mua vẫn tiếp tục gia tăng.

- VN-Index nhiều khả năng sẽ hồi phục tích cực trở lại ở những phiên sắp tới. Tuy nhiên chỉ số này cũng sẽ đối mặt với lực cung không hề nhỏ.



HOSE Top 5 theo KLGD

SSI	1.5 (5.1%)	14,398,490
FLC	-0.2 (-1.8%)	8,284,700
KBC	0.4 (2.7%)	7,114,980
OGC	0.4 (3.5%)	5,606,590
VHG	0.5 (4.5%)	4,821,580

HOSE Top 5 theo % tăng

VNL	1.5 (6.9%)	100
SII	1.3 (6.8%)	212,400
PTC	0.4 (6.8%)	26,570
NVT	0.4 (6.7%)	972,150
RIC	0.7 (6.6%)	10,630

HOSE Top 5 theo % giảm

KSH	-1.6 (-6.9%)	153,740
SFC	-2 (-6.9%)	10,210
TTP	-1.7 (-6.5%)	3,000
RDP	-1.2 (-6.4%)	4,000
SVI	-2.5 (-6.3%)	5,000

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

KBC	11,5 tỷ	764,660
BID	3,7 tỷ	263,140
STB	3,6 tỷ	189,080
HPG	3,4 tỷ	57,760
CSM	3,3 tỷ	71,000

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

VIC	-34,9 tỷ	711,670
SJS	-9,2 tỷ	364,640
VCB	-8,5 tỷ	326,830
SSI	-4,7 tỷ	151,210
KDC	-2,7 tỷ	45,470

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-470,230	34.87

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Áp lực bán vẫn hiện hữu ở hầu hết các mã trên sàn, dòng tiền có sự phân hóa, CP chứng khoán giao dịch tích cực, tuy nhiên VN-Index lại đuối dần do lực cung cuối
- ▶ KLGD sụt giảm và đạt 111 triệu đơn vị. Thanh khoản liên tục sụt giảm, nó cho thấy sự thận trọng đang gia tăng trong giới đầu tư.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với giá trị 34,87 tỷ. Trong đó tập trung nhiều ở VIC, ngoài ra khối này mua nhiều ở KBC.
- ▶ VN-Index sẽ được hỗ trợ mạnh tại vùng 590 - 595 điểm. Dòng tiền nhiều khả năng sẽ tiếp tục hướng vào nhóm cổ phiếu có kỳ vọng KQKD Quý 3 tốt.
- ▶ NĐT có thể mua trở lại nếu thanh khoản gia tăng, tập trung vào nhóm cổ phiếu đã điều chỉnh mạnh ở giai đoạn vừa rồi. Hạn chế sử dụng margin.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	107.0	202,765.00	17.7	5.8	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	105.0	105,012.45	17.3	5.7	34.1%	27.1%
VCB	2,665.0	26.2	69,823.53	15.3	1.6	10.6%	1.0%
VIC	1,420.3	48.5	68,885.10	15.1	4.1	27.6%	6.2%
MSN	735.8	81.5	59,968.36	-1,492.9	4.2	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.5	53,989.37	9.3	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	13.9	39,075.72	9.7	1.2	12.3%	0.7%
PVD	303.0	96.5	29,243.06	12.6	2.7	22.7%	10.7%
HPG	481.9	58.0	27,950.67	10.0	2.6	28.3%	12.8%
BVH	680.5	40.4	27,491.05	22.7	2.4	10.2%	2.1%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

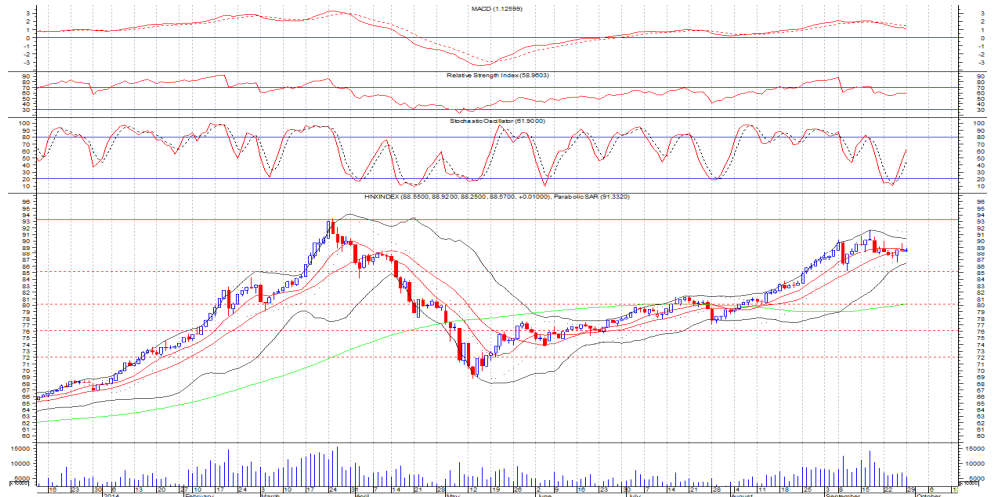
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	17.1	4,375.16	18.5	1.5	NA	TH.DOI
FPT	343.9	52.0	17,882.50	11.3	2.4	NA	TH.DOI
CII	115.5	21.2	2,449.17	8.2	1.5	NA	TH.DOI
BMP	45.5	69.0	3,138.02	8.6	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.0	668.25	4.7	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	26.0	717.86	2.9	1.1	NA	TH.DOI

HNX 29/09/2014 HNX-Index 88.57 0.01 0.01% 59,533,109 CP 892.00 bil. VND

Áp lực bán tiếp tục xuất hiện mạnh cuối phiên

Chỉ số HNX-Index tăng 0.01 điểm (+0.01%), đóng cửa tại mốc 88.57 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh với thân ngắn, cây nến gần giống với nến Doji thể hiện sự lưỡng lự mạnh của HNX-Index.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator sau khi cho tín hiệu mua trở lại tiếp tục gia tăng mạnh.
- MACD vẫn tiếp tục sụt giảm, điều này cho thấy HNX-Index vẫn có thể tiếp tục điều chỉnh.
- RSI (14) đi ngang ở mức 58.
- Nhiều khả năng HNX-Index sẽ hồi phục ở những phiên sắp tới. Nhưng áp lực bán có thể vẫn còn tiếp diễn.



HNX Top 5 theo KLGD

Mã CK	Đổi (%)	Giá trị
PVX	0 (0.0%)	8,193,340
KLS	0.2 (1.6%)	4,828,690
FIT	1.9 (9.6%)	4,608,470
KLF	-0.2 (-1.7%)	3,467,300
SHS	0.2 (1.6%)	3,018,750

HNX Top 5 theo % tăng

Mã CK	% Tăng	Giá trị
CEO	3.4 (29.3%)	2,604,800
CTN	0.7 (10.0%)	700
SJC	1.1 (10.0%)	44,800
IDV	4.8 (9.9%)	660
TAG	2 (9.9%)	100

HNX Top 5 theo % giảm

Mã CK	% Giảm	Giá trị
PIV	-1.1 (-10.0%)	3,900
SDG	-2.1 (-10.0%)	200
KSK	-0.7 (-9.9%)	698,200
VNT	-3.8 (-9.8%)	400
PEN	-1.7 (-9.7%)	2,100

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

Mã CK	Mua ròng (tỷ)	Giá trị (tỷ)
PVS	11,3	275,700
SHB	3,4	371,900
VCG	1,3	94,000
IVS	1,1	127,500
BVS	0,6	40,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

Mã CK	Bán ròng (tỷ)	Giá trị (tỷ)
TCT	-4,3	28,500
LAS	-1,0	30,000
DBC	-0,9	32,600
HLD	-0,3	16,300
VND	-0,2	15,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	935,780	13.19

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Áp lực bán vẫn hiện hữu ở hầu hết các mã trên sàn, dòng tiền có sự phân hóa, CP chứng khoán giao dịch tích cực, tuy nhiên HNX-Index lại đuối dần do lực cung cuối.
- ▶ KLGD sụt giảm và đạt 57 triệu đơn vị. Thanh khoản liên tục sụt giảm, nó cho thấy sự thận trọng đang gia tăng trong giới đầu tư.
- ▶ Khối ngoại mua ròng với giá trị 13,19 tỷ. Tập trung bán nhiều ở TCT, LAS. Trong khi mua nhiều ở PVS.
- ▶ Áp lực điều chỉnh vẫn còn hiện hữu với chỉ số HNX-Index. Dòng tiền kỳ vọng sẽ phân hóa nhiều vào nhóm cổ phiếu kỳ vọng KQKD Quý 3 tốt.
- ▶ NĐT có thể mua trở lại nếu thanh khoản gia tăng, tập trung vào nhóm cổ phiếu đã điều chỉnh mạnh ở giai đoạn vừa rồi. Hạn chế sử dụng margin.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	ROA (%)
PVS	446.7	40.7	18,180.71	10.5	2.2	21.7%	7.1%
ACB	909.8	15.2	13,828.66	20.5	1.1	5.4%	0.4%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	152.4	7.4	-4.4%	-3.4%
SHB	886.1	9.1	8,063.36	9.4	0.8	8.2%	0.7%
VCG	441.7	14.2	6,272.29	10.8	1.1	10.4%	2.4%
OCH	200.0	25.4	5,080.00	83.9	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.4	4,142.91	14.3	0.7	4.7%	1.9%
VNR	131.1	21.3	2,791.92	8.9	1.1	12.7%	5.7%
PVX	400.0	6.9	2,760.00	2.2	3.7	-128.0%	-7.7%
LAS	77.8	34.2	2,661.85	6.8	1.8	27.5%	15.2%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	36.0	1,368.00	8.8	1.5	NA	TH.DOI
AAA	39.6	15.8	625.68	6.3	0.8	NA	TH.DOI
VND	100.0	16.5	1,649.98	15.0	1.3	NA	TH.DOI
NTP	56.3	46.0	2,591.61	6.9	2.0	NA	TH.DOI
PVC	50.0	34.5	1,725.00	11.0	2.1	NA	TH.DOI
DXP	7.9	46.0	362.25	7.3	1.6	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,420.3	68,885.10	15.75%	48.5	15.12	4.12	2,479,434	2,650,761	1,483,822
HPG	HOSE	481.9	27,950.67	13.53%	58.0	9.98	2.63	885,270	942,961	954,950
PVD	HOSE	303.0	29,243.06	11.69%	96.5	12.59	2.66	831,210	719,184	480,661
MSN	HOSE	735.8	59,968.36	11.42%	81.5	#####	4.24	290,293	243,609	258,419
HAG	HOSE	789.9	19,115.56	8.11%	24.2	16.31	1.39	3,803,390	3,323,258	2,984,019
STB	HOSE	1,142.5	21,707.72	6.47%	19.0	7.75	1.25	700,766	566,283	384,918
VCB	HOSE	2,665.0	69,823.53	5.75%	26.2	15.30	1.58	604,707	578,696	424,744
DPM	HOSE	379.9	11,625.99	4.79%	30.6	9.18	1.30	1,336,865	1,596,157	1,241,289
ITA	HOSE	718.9	6,254.48	2.96%	8.7	67.41	0.80	7,870,353	9,452,688	6,743,365
KBC	HOSE	389.8	5,885.38	2.57%	15.1	25.08	1.13	4,483,368	4,025,153	2,313,198
BVH	HOSE	680.5	27,491.05	2.30%	40.4	22.72	2.38	520,146	333,231	214,924
HSG	HOSE	96.3	4,208.88	2.06%	43.7	13.12	1.80	175,477	223,369	173,295
GMD	HOSE	116.1	4,180.97	1.83%	36.0	8.16	0.85	1,631,629	1,025,829	495,355
PPC	HOSE	318.2	7,922.05	1.68%	24.9	16.46	1.60	1,425,910	1,078,852	772,304
HVG	HOSE	132.0	4,052.39	1.56%	30.7	35.17	1.78	2,527,218	2,258,198	1,218,906
CSM	HOSE	67.3	3,095.43	1.50%	46.0	8.57	2.58	443,712	365,486	352,178
PVT	HOSE	255.9	4,375.16	1.48%	17.1	18.45	1.52	3,397,409	2,751,797	2,066,864
DRC	HOSE	83.1	5,109.04	1.48%	61.5	13.64	3.70	364,559	260,369	242,649
VSH	HOSE	206.2	2,969.87	1.31%	14.4	14.26	1.12	732,383	957,703	755,015
DIG	HOSE	178.7	2,591.78	1.01%	14.5	71.04	1.10	1,560,329	921,699	445,550
OGC	HOSE	300.0	3,570.00	0.76%	11.9	42.45	1.09	3,581,547	3,818,469	2,411,723

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,420.3	68,885.10	8.28%	48.5	15.12	4.12	2,479,434	2,650,761	1,483,822
MSN	HOSE	735.8	59,968.36	8.09%	81.5	#####	4.24	290,293	243,609	258,419
VCB	HOSE	2,665.0	69,823.53	6.66%	26.2	15.30	1.58	604,707	578,696	424,744
STB	HOSE	1,142.5	21,707.72	6.34%	19.0	7.75	1.25	700,766	566,283	384,918
PVS	HNX	446.7	18,180.71	5.45%	40.7	10.45	2.22	5,827,081	5,183,215	3,727,249
BVH	HOSE	680.5	27,491.05	4.54%	40.4	22.72	2.38	520,146	333,231	214,924
DPM	HOSE	379.9	11,625.99	4.18%	30.6	9.18	1.30	1,336,865	1,596,157	1,241,289
PVD	HOSE	303.0	29,243.06	4.04%	96.5	12.59	2.66	831,210	719,184	480,661
HAG	HOSE	789.9	19,115.56	3.68%	24.2	16.31	1.39	3,803,390	3,323,258	2,984,019
ITA	HOSE	718.9	6,254.48	2.96%	8.7	67.41	0.80	7,870,353	9,452,688	6,743,365
PPC	HOSE	318.2	7,922.05	2.75%	24.9	16.46	1.60	1,425,910	1,078,852	772,304
FLC	HOSE	314.9	3,526.81	2.56%	11.2	7.72	0.97	23,565,591	20,205,180	16,790,098
SHB	HNX	886.1	8,063.36	2.53%	9.1	9.43	0.75	5,365,669	6,098,606	5,527,466
VCG	HNX	441.7	6,272.29	2.03%	14.2	10.81	1.11	2,369,921	1,829,351	1,183,786
OGC	HOSE	300.0	3,570.00	1.69%	11.9	42.45	1.09	3,581,547	3,818,469	2,411,723
PVT	HOSE	255.9	4,375.16	1.61%	17.1	18.45	1.52	3,397,409	2,751,797	2,066,864
DRC	HOSE	83.1	5,109.04	0.95%	61.5	13.64	3.70	364,559	260,369	242,649
IJC	HOSE	274.2	3,701.63	0.62%	13.5	22.87	1.31	2,014,440	2,465,475	2,223,188
PVX	HNX	400.0	2,760.00	0.00%	6.9	- 2.23	3.72	11,824,341	11,642,451	8,744,478

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,420.3	68,885.10	0.00%	48.5	15.12	4.12	2,479,434	2,650,761	1,483,822
MSN	HOSE	735.8	59,968.36	0.00%	81.5	#####	4.24	290,293	243,609	258,419
DPM	HOSE	379.9	11,625.99	0.00%	30.6	9.18	1.30	1,336,865	1,596,157	1,241,289
HAG	HOSE	789.9	19,115.56	0.00%	24.2	16.31	1.39	3,803,390	3,323,258	2,984,019
VCB	HOSE	2,665.0	69,823.53	0.00%	26.2	15.30	1.58	604,707	578,696	424,744
STB	HOSE	1,142.5	21,707.72	0.00%	19.0	7.75	1.25	700,766	566,283	384,918
BVH	HOSE	680.5	27,491.05	0.00%	40.4	22.72	2.38	520,146	333,231	214,924
CTG	HOSE	3,723.4	53,989.37	0.00%	14.5	9.32	1.02	426,527	546,009	372,691
GAS	HOSE	1,895.0	202,765.00	0.00%	107.0	17.69	5.79	443,755	360,493	329,473

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,968.36	0.88%	81.5	#####	4.24	290,293	243,609	258,419
VIC	HOSE	1,420.3	68,885.10	0.56%	48.5	15.12	4.12	2,479,434	2,650,761	1,483,822
STB	HOSE	1,142.5	21,707.72	0.31%	19.0	7.75	1.25	700,766	566,283	384,918
VCB	HOSE	2,665.0	69,823.53	0.24%	26.2	15.30	1.58	604,707	578,696	424,744
DPM	HOSE	379.9	11,625.99	0.15%	30.6	9.18	1.30	1,336,865	1,596,157	1,241,289
BVH	HOSE	680.5	27,491.05	0.08%	40.4	22.72	2.38	520,146	333,231	214,924

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,422	6.8	0.9	13.6%	9.0%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,184	9.2	1.5	16.4%	11.1%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,629	24.6	0.9	3.4%	1.6%
Sản xuất giấy	845	7.4	1.0	12.9%	6.8%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,922	17.0	2.2	20.7%	9.5%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,890	3.2	0.8	24.6%	5.3%
Khai khoáng	12,297	66.7	5.6	0.3%	0.0%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	22,652	15.9	1.4	11.5%	7.6%
Xây dựng	32,882	37.5	1.4	-2.3%	2.0%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,225	8.4	1.2	16.1%	8.2%
Công nghiệp phức hợp	887	7.3	1.7	13.5%	9.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,355	6.8	1.0	13.6%	6.0%
Thiết bị điện	1,870	19.0	1.2	1.3%	-0.1%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	46	14.0	0.6	4.4%	3.1%
Máy công nghiệp	8,924	9.5	1.4	15.0%	10.2%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,724	3.4	1.2	4.3%	1.1%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,106	8.8	1.6	18.9%	13.6%
Dịch vụ vận tải	6,220	8.0	1.6	18.8%	11.7%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,636	11.5	2.0	14.8%	7.2%
Đào tạo & Việc làm	240	10.0	0.8	9.0%	3.2%
Nhà cung cấp thiết bị	181	8.0	0.8	11.0%	4.5%
Chất thải & Môi trường	182	2.8	0.8	35.2%	16.4%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,083	18.2	1.2	11.8%	6.3%
Lốp xe	8,758	10.9	3.2	27.5%	11.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,559	7.8	1.3	15.6%	8.4%
Vang & Rượu mạnh	301	13.4	2.1	16.4%	10.3%
Đồ uống & giải khát	225	6.5	1.1	14.2%	9.5%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	20,988	12.0	1.8	16.9%	6.2%
Thực phẩm	197,596	24.2	4.7	20.4%	16.0%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	73	18.4	0.9	5.0%	3.8%
Thiết bị gia dụng	2,504	8.4	1.3	14.7%	7.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	529	41.7	1.3	3.8%	2.7%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,503	9.3	1.8	18.2%	7.2%
Giày dép	10	1.4	0.6	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,830	10.8	2.0	17.8%	9.2%
Thuốc lá					
Thuốc lá	732	8.2	1.1	-0.8%	3.9%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,019	16.6	1.1	6.4%	3.7%
Dụng cụ y tế	168	3.4	1.9	38.1%	16.3%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	189	8.6	1.1	13.4%	9.8%
Dược phẩm	15,325	10.6	2.9	24.9%	16.4%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	249	46.8	0.8	1.7%	0.5%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	709	10.9	1.1	13.0%	7.8%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,966	10.9	1.9	17.3%	3.3%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,113	9.8	1.0	10.3%	7.3%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,737	73.5	2.6	2.9%	1.8%
Dịch vụ giải trí	3,391	14.3	1.3	14.2%	11.9%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,580	19.6	3.2	23.1%	19.7%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	701	16.8	0.9	5.7%	2.0%
Internet	333	70.2	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm	18,351	11.4	2.3	21.5%	9.2%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	501	17.3	0.8	4.3%	1.7%
Thiết bị văn phòng	282	4.8	1.1	22.4%	17.1%
Thiết bị viễn thông	12,926	33.4	7.7	33.8%	11.4%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	25,597	-	6.0	-14.4%	0.5%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	211,510	17.3	5.7	33.0%	22.6%
Nước	1,272	6.8	1.1	17.0%	11.3%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,312	7.5	0.9	11.7%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,870	12.3	0.8	6.4%	2.6%
Tái bảo hiểm	2,779	8.8	1.1	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	27,763	22.7	2.4	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,598	43.4	1.1	2.6%	0.8%
Môi giới chứng khoán	28,220	14.2	1.6	9.5%	7.0%
Ngân hàng					
Ngân hàng	239,745	11.1	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	164,003	16.7	2.7	20.5%	5.1%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	13	3.3	1.0	34.7%	11.6%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	51,533	11.6	2.5	22.6%	9.4%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.